

VIỆT NAM

	Ngày đáo hạn	Số ngày tới hạn	KLGD	Vị thế mở (OI)	Giá tham chiếu	Giá mở cửa	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá đóng cửa	Chênh lệch với cơ sở
VN30					935.4	935.4	937.8	931.3	934.4	
VN30F1903	21/03/2019	7	128,306	19,570	927.0	930.0	930.4	924.5	926.0	-8.4
VN30F1904	18/04/2019	35	702	1,048	926.9	927.6	928.9	923.2	925.4	-9.0
VN30F1906	20/06/2019	98	52	217	923.1	927.0	927.8	923.0	924.0	-10.4
VN30F1909	19/09/2019	189	39	137	923.5	925.8	926.9	923.0	923.7	-10.7

SỰ KIỆN SẮP TỚI

- 15/03/2019 Hợp chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương Nhật
- 21/03/2019 Hợp Ủy ban Thị trường Mở Liên bang Mỹ (FOMO) đưa dự báo kinh tế và uyết định về lãi suất
- 21/03/2019 Hợp chính sách tiền tệ Ngân hàng Trung ương Anh
- 22/03/2019 Hợp ĐHCĐ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động
- 29/03/2019 Hợp ĐHCĐ CTCP Cơ Điện Lạnh
- 29/03/2019 Hợp ĐHCĐ CTCP FPT

NHẬN ĐỊNH

Tâm lý thị trường bớt hưng phấn, hoạt động mua thận trọng hơn cùng với áp lực chốt lời ở một số cổ phiếu như VRE, PLX, VNM, HPG và MBB khiến chỉ số VN30 điều chỉnh nhẹ. Điểm tích cực là tâm lý nhà đầu tư không diễn biến theo chiều hướng bi quan khi thị trường chứng khoán Trung Quốc giảm trở lại trong phiên giao dịch chiều. Dư âm của những phiên tăng trước khiến người mua sẵn sàng trả giá cao nên thị trường khó điều chỉnh mạnh lúc này.

Hợp đồng tương lai VN30F1903 tiếp tục giao dịch thận trọng khi luôn duy trì khoảng cách gần 9 điểm so với VN30 cho dù thời gian đến ngày đáo hạn chỉ còn 5 phiên giao dịch.

Nhìn bức tranh lớn của các cổ phiếu trong danh mục VN30 chúng tôi thấy các cổ phiếu HPG, CTG, VJC, TCB giao dịch ở đỉnh điểm thanh khoản (buying climax). Đây không phải là dấu hiệu tốt vì bức tranh lớn của các cổ phiếu này yếu. Động lực tăng của VN30 đến từ VCB, GAS, MSN, VRE, VHM và VIC.

Chỉ số VN30 theo góc nhìn của chúng tôi vẫn yếu xét trong xu hướng lớn. Tuy vậy, dòng tiền thị trường vẫn đủ sức tạo ra bức tranh dao động trong biên độ 50 điểm quanh mức 900. Ở góc nhìn lớn thì càng lên cao, tỷ lệ phần thưởng so với rủi ro càng kém hấp dẫn, chúng tôi nghĩ nên hạn chế đặt cược vào vị thế mua khi VN30 lên gần vùng 950 điểm.

Cổ phiếu ngân hàng, dẫn dắt bởi sự chủ động của VCB cùng với bộ ba VIC, VHM, VRE có thể là động lực giúp thị trường tiếp tục phục hồi trong phiên giao tới. Tuy vậy, tốc độ tăng có thể chậm dần. Giao dịch hợp đồng tương lai VN30F1903 theo chiều hướng mua khi giá giảm và đặt kỳ vọng mỏng sẽ có lợi. Đây chưa phải thời điểm tốt để đặt cược vào vị thế bán, nhất là khi giá hợp đồng tương lai thấp hơn cơ sở tới gần 9 điểm.

GIÁ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH VÀ VỊ THẾ MỜ CỦA CÁC HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

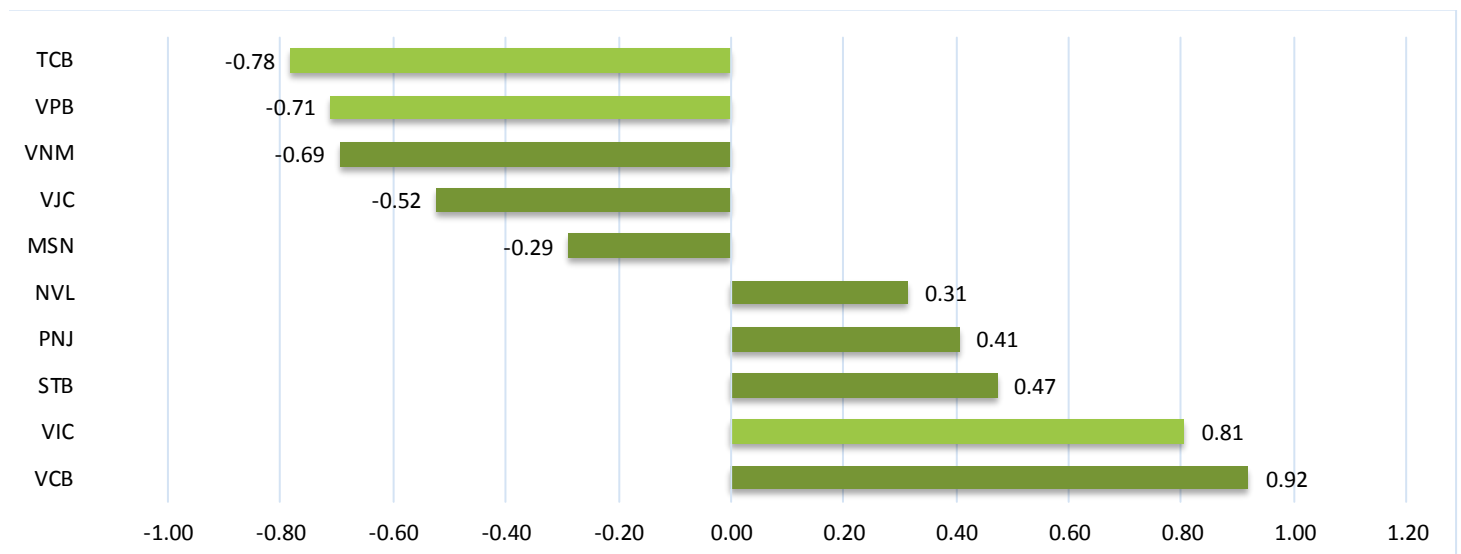
Ngày	VN30F1903	KLGD	Vị thế mờ (OI)
14/03/2019	926.0	128,306	19,570
13/03/2019	927.0	129,418	20,730
12/03/2019	930.0	129,418	17,398
11/03/2019	911.8	137,706	18,001
08/03/2019	899.0	158,087	20,200
07/03/2019	908.0	180,793	19,475
06/03/2019	918.0	163,768	19,476
05/03/2019	917.5	163,684	18,617
04/03/2019	926.9	119,586	17,839

Ngày	VN30F1904	KLGD	Vị thế mờ (OI)
14/03/2019	925.4	702	1,048
13/03/2019	926.9	762	903
12/03/2019	929.0	762	645
11/03/2019	909.8	665	429
08/03/2019	896.9	565	441
07/03/2019	911.0	582	407
06/03/2019	915.6	503	363
05/03/2019	915.7	512	271
04/03/2019	924.0	385	236

Ngày	VN30F1906	KLGD	Vị thế mờ (OI)
14/03/2019	924.0	52	217
13/03/2019	923.1	115	206
12/03/2019	928.2	115	201
11/03/2019	907.8	156	208
08/03/2019	897.0	135	213
07/03/2019	910.0	208	218
06/03/2019	914.6	136	234
05/03/2019	915.0	277	265
04/03/2019	921.6	399	261

Ngày	VN30F1909	KLGD	Vị thế mờ (OI)
14/03/2019	923.7	39	137
13/03/2019	923.5	70	145
12/03/2019	927.0	70	139
11/03/2019	907.0	51	140
08/03/2019	895.0	67	138
07/03/2019	905.5	126	149
06/03/2019	914.1	73	154
05/03/2019	914.4	145	157
04/03/2019	922.0	374	168

CÁC CỔ PHIẾU TÁC ĐỘNG LỚN LÊN CHỈ SỐ VN30



QUỐC TẾ

CÁC THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

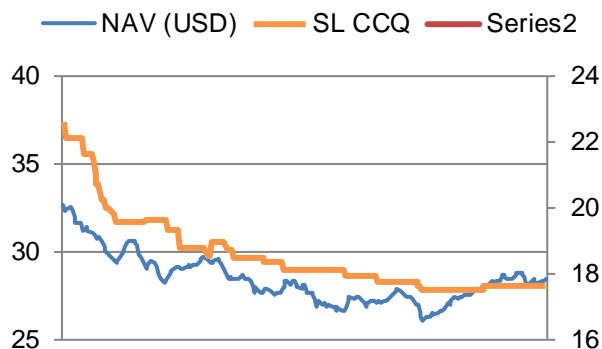
Thị trường	Chỉ số cơ sở	Giá cơ sở	Giá hợp đồng tương lai	Chênh lệch so với cơ sở	Cập nhật (giờ Hà Nội)	% Thay đổi so với phiên trước	% Thay đổi từ đầu tuần	% Thay đổi từ đầu năm
Australia	S&P/ASX 200	6,179.6	6,203.0	23.4	5:49:30 PM	0.26	-0.02	11.54
Japan	Nikkei 225	21,287.0	21,150.0	-137.0	5:40:01 PM	0.14	1.83	5.75
Korea	KOSPI 200	276.6	277.6	1.0	5:39:47 PM	-0.04	0.93	5.95
China	CSI 300	3,698.5	3,700.4	1.9	2:00:00 PM	-0.68	0.34	23.20
Hongkong	Hang Seng	28,851.4	28,855.0	3.6	5:45:02 PM	-0.15	2.19	11.61
Malaysia	KLCI	1,674.5	1,670.5	-4.0	4:30:00 PM	-0.39	-0.30	-1.30
Thailand	Set 50	1,087.1	1,085.5	-1.6	5:14:13 PM	-0.24	0.54	4.07
Singapore	Straits Times	3,197.9	3,209.0	11.1	14/03/2019	0.66	0.60	4.49
India	Nifty 50	11,343.3	11,387.0	43.8	5:00:00 PM	0.18	2.81	4.31
South Africa	FTSE/JSE Top 40	49,503.4	49,515.0	11.6	5:45:01 PM	-0.21	0.65	5.22
Italy	FTSE/MIB	20,868.4	20,870.0	1.6	5:45:05 PM	0.65	1.84	14.63
France	CAC 40	5,328.7	5,327.0	-1.7	5:45:01 PM	0.41	1.84	12.66
German	DAX 30	11,575.5	11,572.5	-3.0	5:45:04 PM	-0.04	0.93	9.57
UK	FTSE 100	7,200.7	7,198.5	-2.2	5:50:05 PM	0.73	1.22	8.10
Brazil	Ibovespa	98,903.9	99,407.0	503.1	13/03/2019	1.10	3.60	12.30
Canada	S&P/TSE Composite	16,150.0	16,130.0	-20.0	13/03/2019	0.09	0.97	12.88
Mexico	Mexican IPC	41,932.6	41,920.0	-12.6	13/03/2019	0.24	0.76	0.34
US	Dow Jones	25,702.9	25,714.0	11.1	5:49:50 PM	-0.08	0.86	10.51

Nguồn: Bloomberg 14/03/2019

CÁC QUỸ ĐẦU TƯ CHỈ SỐ (ETFs)

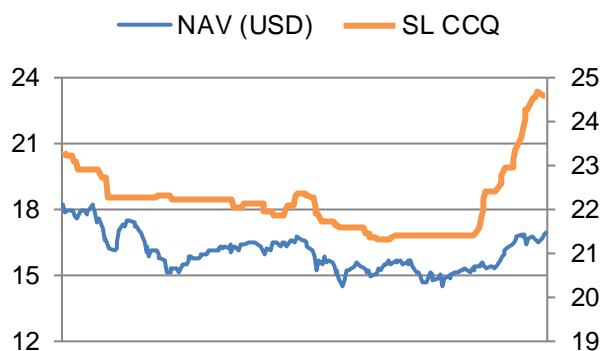
ISHARES MSCI Frontier 100 (FM)

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Triệu USD)	501.203	
Số lượng chứng chỉ quỹ	17,650,000	0
Giá trị tài sản ròng, NAV (USD)	28.400	0.14%
Cập nhật	13/03/2019	



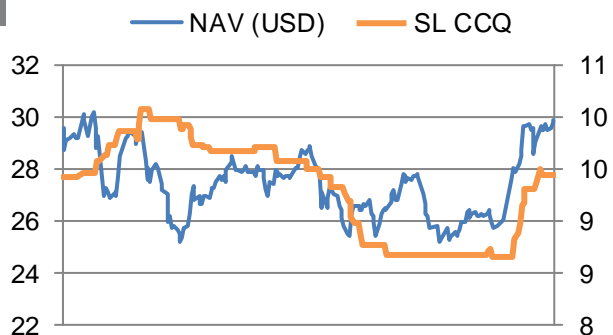
VanEck Vectors Vietnam ETF (VNM)

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Triệu USD)	416.881	
SL CCQ	24,600,000	0
NAV (USD)	16.946	0.53%
Cập nhật	13/03/2019	



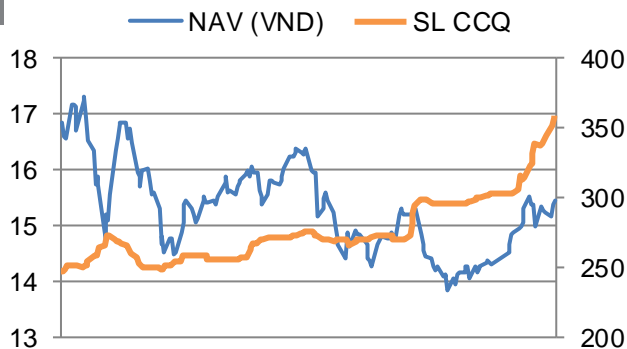
Xtrackers FTSE Vietnam UCITS ETF (XFVT)

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Triệu USD)	318.873	
SL CCQ	9,438,000	0
NAV (USD)	29.875	0.25%
Cập nhật	13/03/2019	



VFMVN30 ETF Fund (E1VFN30)

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Tỷ VNĐ)	5,536	
SL CCQ	358,100,000	800,000
NAV (VNĐ)	15,458	0.59%
Cập nhật	13/03/2019	



Nguồn: Bloomberg

DANH MỤC CHỈ SỐ VN30

STT	CP	Ngành	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (Tỷ VNĐ)	Giá đóng cửa (Nghìn VNĐ)	Tăng/giảm (%)	GTGD (Tỷ đồng)	Mua/bán ròng NĐTNN (Tỷ đồng)	Room còn lại cho NĐTNN (%)	P/E	P/B
1	CII	Xây dựng và Vật liệu	0.7	6,081.4	24.6	-0.6	28.9	-0.78	18.2	73.5	1.2
2	CTD	Xây dựng và Vật liệu	0.9	11,013.8	144.2	1.5	25.4	8.60	2.9	20.9	1.4
3	CTG	Ngân hàng	1.2	83,776.6	22.5	-0.2	116.7	0.00	0.5	15.5	1.2
4	DHG	Y tế	0.6	15,258.1	116.7	-0.3	48.0	-7.06	55.5	26.2	4.9
5	DPM	Hóa chất	0.5	7,983.2	20.4	-0.5	6.7	1.88	26.0	13.2	1.0
6	EIB	Ngân hàng	2.6	21,638.0	17.6	-1.1	2.0	-0.14	0.1	32.8	1.5
7	FPT	Công nghệ thông tin	3.1	28,376.9	46.3	0.1	24.6	0.00	0.0	10.8	2.3
8	GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.4	195,797.1	102.3	0.7	76.4	-2.72	45.5	16.5	4.3
9	GMD	Hàng & Dịch vụ công nghiệp	1.1	8,432.7	28.4	0.9	33.2	0.00	0.0	4.6	1.4
10	HDB	Ngân hàng	3.1	30,312.9	30.9	-0.3	40.5	1.63	3.7	10.7	1.9
11	HPG	Tài nguyên Cơ bản	6.4	72,637.6	34.2	-0.4	152.9	52.55	9.2	8.5	1.8
12	MBB	Ngân hàng	3.9	47,551.5	22.5	-0.4	78.0	0.00	0.0	8.0	1.5
13	MSN	Thực phẩm và đồ uống	6.8	103,055.0	88.6	-0.4	17.9	1.02	6.8	19.4	3.5
14	MWG	Bán lẻ	3.8	39,438.3	89.0	-0.4	47.2	0.00	0.0	13.3	4.4
15	NVL	Bất động sản	3.0	57,594.6	61.9	1.1	24.2	15.40	31.6	17.9	3.0
16	PNJ	Trang sức	2.1	17,401.6	104.2	2.2	43.0	0.00	0.0	17.7	4.6
17	REE	Hàng & Dịch vụ công nghiệp	0.9	10,696.8	34.5	0.0	19.6	-0.01	0.0	6.0	1.1
18	ROS	Xây dựng và Vật liệu	0.8	19,014.5	33.5	0.0	181.8	2.12	46.6	89.0	3.2
19	SAB	Thực phẩm và đồ uống	3.6	162,244.1	253.0	-0.8	6.7	0.11	90.2	39.9	10.8
20	SBT	Thực phẩm và đồ uống	0.7	9,951.4	19.0	-1.3	27.4	1.46	88.5	42.4	1.8
21	SSI	Dịch vụ tài chính	1.3	14,995.1	29.5	0.2	33.4	34.02	40.2	11.3	1.6
22	STB	Ngân hàng	3.3	23,447.5	13.0	1.6	109.7	1.30	9.6	13.1	1.0
23	TCB	Ngân hàng	9.0	94,058.3	26.9	-0.9	41.3	0.00	0.0	10.8	1.8
24	VCB	Ngân hàng	3.7	248,494.8	67.0	2.8	150.7	-46.60	6.4	16.5	3.8
25	VHM	Thực phẩm và đồ uống	5.5	314,854.3	94.0	0.0	66.3	-9.75	33.6	20.7	7.3
26	VIC	Bất động sản	7.9	379,164.6	118.8	1.1	135.9	-23.71	31.8	105.5	6.7
27	VJC	Du lịch & Giải trí	4.7	64,126.8	118.4	-1.2	136.7	-27.88	8.3	12.3	4.6
28	VNM	Thực phẩm và đồ uống	9.3	238,921.2	137.2	-0.8	126.6	-7.71	40.5	25.9	9.3
29	VPB	Ngân hàng	5.5	53,311.4	21.7	-1.4	35.9	0.00	0.0	7.3	1.5
30	VRE	Bất động sản	2.8	88,495.1	38.0	0.5	170.5	23.77	16.9	36.8	3.1

Nguồn: Bloomberg

14/03/2019

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Tư vấn Đầu tư – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT TRUNG TÂM TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : Trungtamtuvandautu@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>